

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 203/2026/DS-PT

Ngày 26 tháng 6 năm 2026

V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Chuyên; Ông Phạm Văn Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Bách Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2026/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2026/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 172/2026/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1992 và Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1994; địa chỉ: Căn hộ G V, tổ dân phố V, phường Đ, Thành phố Hà Nội, (có mặt).

*** Bị đơn:** Ông Trương Đình T, sinh năm 1985 và Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1985; địa chỉ: Căn hộ C, Tòa A chung cư Q, phường B, tỉnh Bắc Ninh, (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Trương Đình T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2025, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị C cùng trình bày:**

Vợ chồng ông bà có quan hệ họ hàng với vợ chồng ông T, bà P. Ngày 21/9/2024, ông bà có thỏa thuận cho vợ chồng ông T, bà P vay số tiền 500.000.000 đồng. Mục đích vay để dùng vào việc gia đình, vợ chồng ông T, bà P hẹn trả trong thời hạn 05 tháng, tính từ ngày 28/01/2025 đến ngày 28/6/2025. Các bên có thỏa thuận lãi suất là 0,18%/tháng (tương đương 900.000 đồng/01 tháng) tính từ ngày 01/10/2024. Vợ chồng ông T, bà P đã ký, điểm chỉ tại giấy vay tiền đề ngày 21/9/2024 để xác nhận sự việc. Sau đó, ngày 23/9/2024, ông bà đã chuyển khoản toàn bộ số tiền vay cho vợ chồng ông T, bà P theo đúng cam kết. Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông T, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, ông bà yêu cầu vợ chồng ông T, bà P phải trả ngay một lần tổng số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận. Ngày 23/01/2026, ông bà có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền lãi.

*** *Tại văn bản trình bày ý kiến của bị đơn ông Trương Đình T trình bày:*** Ông và vợ là bà Nguyễn Thị P đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Ông xác nhận vợ chồng ông có vay của ông M, bà C số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày 28/01/2025, lãi suất thỏa thuận như theo đơn khởi kiện. Vợ chồng ông đã nhận đủ số tiền vay để sử dụng vào mục đích gia đình. Đến nay, do công việc kinh doanh không thuận lợi nên vợ chồng ông mới thanh toán được cho ông M, bà C khoảng 100.000.000 đồng cả gốc và lãi. Nay ông M, bà C yêu cầu trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, ông đề nghị ông M, bà C tính toán lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà vợ chồng ông đã trả để đối trừ vào khoản vay gốc. Đối với tài liệu chứng minh việc trả nợ gốc, nợ lãi, ông sẽ gửi cho Tòa án sau.

*** *Bị đơn bà Nguyễn Thị P:*** Không có ý kiến trình bày gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông M, bà C

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 06/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 117, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị C: Buộc anh Trương Đình T và chị Nguyễn Thị P trả anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 21/9/2024.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu trả số tiền lãi trên số nợ gốc 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) theo thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 21/9/2024 và đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 25/3/2026, ông Trương Đình T kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh theo hướng giảm trừ số tiền anh T đã trả cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông T trình bày: Giữ nguyên kháng cáo và đề nghị trừ số tiền ông đã trả là 141.100.000 đồng vào số tiền ông còn nợ.

- Bà P1 trình bày: nhất trí như trình bày của ông T.

- Ông M, bà C trình bày: Ông bà nhất trí số tiền ông T bà C đã trả 141.100.000 đồng, ông bà trừ 60.000.000 đồng là tiền lãi, còn lại số tiền 81.100.000 đồng trừ vào tiền gốc. Số tiền gốc còn nợ là 418.900.000 đồng yêu cầu ông T, bà P phải trả như sau: Ngày 30/8/2026 (dương lịch) trả 150.000.000 đồng; Ngày 30/10/2026 (dương lịch) trả 150.000.000 đồng; Ngày 30/12/2026 (dương Lịch) trả 118.900.000 đồng.

- Ông T, bà P trình bày: Ông bà nhất trí với ý kiến của ông M, bà C.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu:***

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận kháng cáo của ông T

+ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 06/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Ông T bà P trả cho ông M, bà C số tiền gốc 418.900.000 đồng, thời gian cụ thể như sau: Ngày 30/8/2026 (dương lịch) trả 150.000.000 đồng; Ngày

30/10/2026 (dương lịch) trả 150.000.000 đồng; Ngày 30/12/2026 (dương lịch) trả 118.900.000 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, bà P phải liên đới chịu 20.756.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

- Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung: Ngày 21/9/2024, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị C và ông Trương Đình T, bà Nguyễn Thị P có ký giấy vay tiền, với nội dung: Ông Trương Đình T, bà Nguyễn Thị P có vay của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị C số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày 28/01/2025 đến ngày 28/06/2025, lãi suất 0,18%/tháng. Do ông T, bà P1 không trả nợ đúng hạn, đã làm phát sinh tranh chấp giữa các đương sự.

[2]. Xét kháng cáo của ông Trương Đình T thì thấy: Theo tài liệu ông T cung cấp nộp cùng đơn kháng cáo thể hiện: Sau khi viết giấy vay tiền ngày 21/9/2024, bà P là vợ ông T có chuyển vào tài khoản của ông M số tiền 141.100.000 đồng, ngày chuyển đầu tiên là ngày 10/12/2024, ngày chuyển cuối cùng là ngày 24/3/2026. Tại phiên toà phúc thẩm ông M, bà C nhất trí số tiền ông T, bà P đã trả như trình bày và các bên đều thống nhất trừ 60.000.000 đồng là tiền lãi và 81.100.000 đồng vào số tiền gốc. Số tiền ông T, bà P còn phải trả ông M, bà C là 418.900.000 đồng. Các bên thống nhất thời gian trả nợ cụ thể như sau: Ngày 30/8/2026 (Dương lịch) trả 150.000.000 đồng; Ngày 30/10/2026 (Dương lịch) trả 150.000.000 đồng; Ngày 30/12/2026 (Dương lịch) trả 118.900.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp thuận. Do đó, cần sửa bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 06/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh, như đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát tỉnh Bắc Ninh là phù hợp.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự thoả thuận được số tiền phải trả là 418.900.000 đồng. Do vậy Hội đồng xét xử sửa lại phần án phí sơ thẩm.

[4]. Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa, do vậy ông T không phải chịu án phí phúc thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của ông Trương Đình T

1. Sửa bản án sơ thẩm số 18/2026/DS-ST ngày 06/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1-Bắc Ninh. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau: Ông Trương Đình T, bà Nguyễn Thị P liên đới trả cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là 418.900.000 đồng (Bốn trăm mười tám triệu chín trăm nghìn đồng) theo giấy vay tiền ngày 21/9/2024, thời gian trả nợ cụ thể như sau: Ngày 30/8/2026 (dương lịch) trả 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); Ngày 30/10/2026 (dương lịch) trả 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); Ngày 30/12/2026 (dương Lịch) trả 118.900.000 đồng (Một trăm mười tám triệu chín trăm nghìn đồng).

2. Trường hợp ông Trương Đình T, bà Nguyễn Thị P vi phạm bất cứ kỳ hạn trả nợ nào thì ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị C được quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu trả số tiền lãi trên số nợ gốc 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) theo thoả thuận tại giấy vay tiền ngày 21/9/2024 và đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Đình T, bà Nguyễn Thị P, phải liên đới chịu 20.756.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí ngày 19/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Đình T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông T số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003060 ngày 09/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS Tỉnh Bắc Ninh;
- Tòa án nhân dân khu vực 1-Bắc Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thanh Hảo